

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Quỳnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2008

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (“PLC”)**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 - Chính sách kế toán đối với các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đề ra chính sách trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn. Nếu thực hiện trích lập ở mức thận trọng hơn nữa theo quy định của Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/2/2006 thì chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2007 cần trích lập thêm khoảng 4.120 triệu VNĐ. Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các kế hoạch xử lý nợ khó đòi trong năm 2008 bao gồm các biện pháp đôn đốc thu nợ, đảo nợ và sẽ thực hiện trích dự phòng bổ sung trong năm 2008.

### **Ý kiến chấp nhận từng phần**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc trích thiếu chi phí dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

---

**Nguyễn Minh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2008*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

**MẪU B 01 – DN**  
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.081.384.068.167</b>	<b>889.722.443.433</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>119.826.074.390</b>	<b>85.710.402.150</b>
1. Tiền	111		119.187.074.390	85.710.402.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		639.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>501.386.860.899</b>	<b>452.141.555.511</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	514.918.294.952	467.598.807.465
2. Trả trước cho người bán	132		11.257.197.233	10.789.501.888
3. Các khoản phải thu khác	135	6	21.061.022.157	3.653.034.457
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(45.849.653.443)	(29.899.788.299)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	7	<b>436.688.855.791</b>	<b>335.507.420.199</b>
1. Hàng tồn kho	141		437.245.535.075	335.507.420.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(556.679.284)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.482.277.087</b>	<b>16.363.065.573</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.630.235	2.154.407.463
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.904.626.746	11.837.326.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		125.742.048	82.934.662
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.293.278.058	2.288.397.435
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>67.312.362.272</b>	<b>64.976.282.155</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.070.605.845</b>	<b>54.984.011.854</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	55.149.993.628	45.563.676.015
- Nguyên giá	222		179.694.452.741	161.013.978.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.544.459.113)	(115.450.302.547)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	4.920.612.217	9.420.335.839
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.977.956.000</b>	<b>7.577.956.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	4.557.956.000	4.557.956.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.420.000.000	3.020.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>263.800.427</b>	<b>2.414.314.301</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		263.800.427	2.414.314.301
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.148.696.430.439</b>	<b>954.698.725.588</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

**MÁU B 01 – DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>850.265.617.854</b>	<b>743.176.105.471</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>849.514.580.039</b>	<b>742.674.439.734</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	508.834.263.039	561.894.159.670
2. Phải trả người bán	312		268.759.835.093	158.733.508.465
3. Người mua trả tiền trước	313		13.626.890.936	1.820.991.997
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	18.151.004.977	9.170.097.690
5. Phải trả người lao động	315		13.710.418.215	7.429.863.315
6. Chi phí phải trả	316		3.113.900.422	791.329.641
7. Phải trả nội bộ	317		271.242.693	128.795.895
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	23.047.024.664	2.705.693.061
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>751.037.815</b>	<b>501.665.737</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		751.037.815	501.665.737
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>	14	<b>298.430.812.585</b>	<b>211.522.620.117</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>297.777.088.218</b>	<b>211.268.271.993</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.272.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		56.453.510.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.582.921.868	23.920.124.295
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.465.089.469	1.239.489.732
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.537.366.881	36.108.657.966
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>653.724.367</b>	<b>254.348.124</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		653.724.367	254.348.124
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.148.696.430.439</b>	<b>954.698.725.588</b>

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2008

Ngô Đức Giang  
Trưởng phòng tài chính kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Mẫu B 02 – DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>2.575.966.084.091</b>	<b>1.991.024.664.962</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		284.087.937	262.538.487
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>2.575.681.996.154</b>	<b>1.990.762.126.475</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		2.277.790.103.968	1.753.023.028.063
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>297.891.892.186</b>	<b>237.739.098.412</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	11.191.611.670	4.499.267.264
7. Chi phí tài chính	22		45.624.591.584	40.991.200.224
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>37.774.354.310</i>	<i>33.936.785.026</i>
8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý Doanh nghiệp	24, 25		205.760.296.598	162.677.267.261
<b>9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>57.698.615.674</b>	<b>38.569.898.191</b>
10 Thu nhập khác	31	19	6.990.757.985	5.240.859.890
11 Chi phí khác	32		955.028.827	1.849.439.517
<b>12 Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>6.035.729.158</b>	<b>3.391.420.373</b>
<b>13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>63.734.344.832</b>	<b>41.961.318.564</b>
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	8.668.927.951	5.852.660.599
<b>15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>55.065.416.881</b>	<b>36.108.657.965</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	<b>70</b>	21	3.494	2.407

**Nguyễn Văn Đức**  
Tổng Giám đốc

**Ngô Đức Giang**  
Trưởng phòng tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2008

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Mẫu B 03 – DN**  
Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>63.734.344.832</b>	<b>41.961.318.564</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.787.102.399	11.246.416.061
Các khoản dự phòng	03	16.506.544.428	7.897.002.040
Chi phí lãi vay	06	37.774.354.310	33.936.785.026
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>129.802.345.969</b>	<b>95.041.521.691</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(49.245.305.388)	(143.505.854.931)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(101.181.435.592)	(14.287.262.582)
Tăng các khoản phải trả	11	127.338.793.997	6.602.129.313
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng) tài sản lưu động khác	12	(4.968.697.640)	(6.602.972.174)
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.774.354.310)	(33.936.785.026)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.557.533.214)	(2.540.306.015)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.644.513.126)	(3.240.180.019)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.769.300.696</b>	<b>(102.469.709.743)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19.196.389.867)	(14.687.094.687)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	958.512.042	156.600.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.237.877.825)</b>	<b>(14.530.494.687)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	68.191.710.000	-
Chênh lệch tiền vay và trả nợ gốc vay	34	(53.059.896.631)	164.714.423.271
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.547.564.000)	(24.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.415.750.631)</b>	<b>140.714.423.271</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>34.115.672.240</b>	<b>23.714.218.841</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>85.710.402.150</b>	<b>61.996.183.309</b>
<b>Tiền tồn cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>119.826.074.390</b>	<b>85.710.402.150</b>

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Giang  
Trưởng phòng tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2008



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004 theo Biên bản bàn giao ký giữa đại diện Bộ Thương mại, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty Hóa dầu Petrolimex.

Cổ đông của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,1% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,9% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 561 người (tại 31/12/2006 là 554 người).

**Mô hình hoạt động Công ty Mẹ - Công ty Con**

Công ty có hai Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con gồm:

- Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ)
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty Con)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty Con)

Các Công ty Con này đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/03/2006 cho đến nay.

**Hoạt động chính**

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hoá chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu.

**Phát hành cổ phiếu**

Năm 2007, Công ty đã thực hiện hai đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng: đợt một ngày 16/7/2007, đợt hai ngày 06/12/2007. Kết quả thực hiện như sau (*đơn vị: 1000đ*):

	Số dư 31/12/2006	Phát hành thêm trong năm 2007			Số dư 31/12/2007
		Đợt 1	Đợt 2	Cộng	
Vốn điều lệ	150.000.000	10.561.000	711.000	11.272.000	161.272.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	52.892.460	3.561.050	56.453.510	56.453.510
Thu tiền bỏ đặt cọc	-	242.400	223.800	466.200	466.200
	<b>150.000.000</b>	<b>63.695.860</b>	<b>4.495.850</b>	<b>68.191.710</b>	<b>218.191.710</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đã được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn chấp thuận số 7108TC/CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2002 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của:

- Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con)
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con)

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị các khoản đầu tư liên kết được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là không trọng yếu nên không cần hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

Thực tế chính sách kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn của Công ty thấp hơn mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng nếu thực hiện trích lập ở mức thận trọng hơn nữa thì chi phí dự phòng nợ khó đòi cần phải trích lập sẽ cao hơn mức thực tế đã trích trong năm 2007 khoảng 4.120 triệu VNĐ. Do một số khách hàng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn là phù hợp. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc đã đề ra kế hoạch xử lý nợ khó đòi trong năm 2008 bao gồm các biện pháp đôn đốc thu nợ, đảo nợ và sẽ thực hiện trích dự phòng bổ sung trong năm 2008.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để đưa hàng tồn kho vào địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành ước tính và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Số năm sử dụng</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 – 35
Máy móc và thiết bị	8 – 9
Thiết bị văn phòng	3 – 8
Phương tiện vận tải	8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hạch toán Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn**

Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn là khoản lập dự phòng cho các khoản lỗ của các khoản đầu tư vào các công ty và các khoản đầu tư dài hạn khác. Mức lập dự phòng bằng tỷ lệ góp vốn của công ty vào các công ty nhận đầu tư hay các khoản đầu tư dài hạn nhân với số lỗ ước tính trong năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết rằng các khoản đầu tư không phát sinh lỗ nên không cần dự phòng lỗ hoạt động đầu tư.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008 theo quy định về ưu đãi cổ phần hóa. Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ khi chính thức niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK theo quy định tại Công văn số 11924 ngày 24/10/2004. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Hà Nội được giảm trong hai năm 2009, 2010. Đây là năm thứ hai Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	18.065.755.639	5.148.677.108
Tiền gửi ngân hàng	101.046.518.751	74.674.362.382
Tiền đang chuyển	574.800.000	5.708.362.660
Vàng bạc, đá quý	139.000.000	179.000.000
	<b>119.826.074.390</b>	<b>85.710.402.150</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

<b>Nhóm khách hàng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khách hàng dầu mỡ nhờn	167.833.966.394	133.744.759.617
Khách hàng nhựa đường	169.560.538.122	209.751.035.971
Khách hàng hóa chất	177.523.790.436	124.103.011.877
<b>Cộng</b>	<b>514.918.294.952</b>	<b>467.598.807.465</b>
<i>Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(45.849.653.443)</i>	<i>(29.899.788.299)</i>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>469.068.641.509</b>	<b>437.699.019.166</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuế GTGT được hoàn	15.034.650.079	-
Tiền thuế nhập khẩu được hoàn	3.194.576.743	-
Các khoản khác	2.831.795.335	3.653.034.457
	<b>21.061.022.157</b>	<b>3.653.034.457</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	74.183.684.044	34.900.982.423
Nguyên liệu, vật liệu	120.620.544.642	90.164.219.621
Công cụ, dụng cụ	4.639.582.776	2.537.148.717
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.890.197.422	6.660.669.430
Thành phẩm	34.234.683.379	58.937.014.642
Hàng hóa	192.126.858.812	142.307.385.366
Hàng gửi đi bán	6.549.984.000	-
<b>Tổng</b>	<b>437.245.535.075</b>	<b>335.507.420.199</b>
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(556.679.284)</i>	<i>-</i>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>436.688.855.791</b>	<b>335.507.420.199</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2007	73.613.448.948	38.012.042.382	39.151.947.504	10.236.539.728	161.013.978.562
Tăng	8.298.776.227	6.206.583.574	4.840.660.853	2.041.901.190	21.387.921.844
Tăng do mua sắm	4.027.743.454	3.333.379.983	4.501.445.663	1.525.317.841	13.387.886.941
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	4.271.032.773	2.873.203.591	339.215.190	516.583.349	8.000.034.903
Giảm	2.331.564.736	143.832.929	232.050.000	-	2.707.447.665
Giảm do thanh lý	2.331.564.736	143.832.929	232.050.000	-	2.707.447.665
Tại ngày 31/12/2007	79.580.660.439	44.074.793.027	43.760.558.357	12.278.440.918	179.694.452.741
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2007	55.671.255.521	29.979.787.462	25.361.574.120	4.437.685.444	115.450.302.547
Tăng	4.059.519.290	2.609.487.080	2.872.649.910	2.245.446.119	11.787.102.399
Trích khấu hao	4.059.519.290	2.609.487.080	2.872.649.910	2.245.446.119	11.787.102.399
Giảm	2.317.062.904	143.832.929	232.050.000	-	2.692.945.833
Thanh lý	2.317.062.904	143.832.929	232.050.000	-	2.692.945.833
Tại ngày 31/12/2007	57.413.711.907	32.445.441.613	28.002.174.030	6.683.131.563	124.544.459.113
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 1/1/2007	17.942.193.427	8.032.254.920	13.790.373.384	5.798.854.284	45.563.676.015
Tại ngày 31/12/2007	22.166.948.532	11.629.351.414	15.758.384.327	5.595.309.355	55.149.993.628

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 với giá trị là 70.232.250.014 VNĐ.

**9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2007 VNĐ	31/12/2006 VNĐ
Nhà văn phòng Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng	3.065.000.000	3.065.000.000
Nhà điều hành sản xuất Thượng Lý	1.046.175.833	-
Bãi để xe bồn Nhựa đường Nhà Bè	509.476.268	14.930.813
Nhà trực sản xuất kho Nhựa đường Nhà Bè	(*) (102.451.316)	-
Lò gia nhiệt, nén khí-Nhà Bè	(*) (113.422.991)	455.368.000
Dây chuyền Nhũ tương Hải Phòng	(*) (182.942.520)	1.556.109.660
Tuyến ống cầu 2C-Nhà Bè	(*) (1.209.392.914)	2.187.589.608
Các công trình khác	1.908.169.857	2.141.337.758
	<b>4.920.612.217</b>	<b>9.420.335.839</b>

(\*) Các công trình có số dư âm là do Công ty thực hiện kết chuyển tạm tăng tài sản cố định theo giá dự toán nhưng chưa tập hợp đủ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các công trình này chưa được quyết toán.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2006 VNĐ	31/12/2005 VNĐ
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	25%	4.557.956.000	4.557.956.000

Do quy mô của Công ty liên kết này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty nên Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp giá gốc mà không thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2007**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Công ty Xây dựng Công trình 547 (*)	2.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	-	3.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	20.000.000	20.000.000
	<b>2.420.000.000</b>	<b>3.020.000.000</b>

(\*) Căn cứ theo Hợp đồng góp vốn số 1399 ngày 10/07/2006 ký kết giữa Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng (“Chi nhánh”) và Công ty Xây dựng công trình 547 (“Công ty”), số dư Công ty 547 còn phải trả cho Chi nhánh cả gốc và lãi quá hạn là 2,4 tỷ VNĐ. Theo hợp đồng này, toàn bộ số công nợ sẽ được chuyển thành vốn góp cho Công ty 547 để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu đô thị CIENCO 5, tương đương với 800m<sup>2</sup> của 8 lô đất. Sau khi Công ty 547 hoàn thành cơ sở hạ tầng và các thủ tục pháp lý, quyền sử dụng các lô đất trên sẽ được chuyển cho Chi nhánh Hải Phòng của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty đang ghi nhận khoản này là khoản đầu tư dài hạn trong năm 2007).

**12. VAY NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Indovina Bank - Chi nhánh Hà nội	-	69.072.420.599
Ngân hàng Công thương Việt nam - Chi nhánh Ba Đình	159.045.548.545	61.641.847.591
Công ty tài chính Dầu khí (PVFC)	-	52.861.404.759
Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	-	9.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (VCB)	173.840.354.422	215.333.093.320
Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười (PGBank)	32.015.619.533	64.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	127.326.340.700	89.985.393.401
Ngân hàng Hongkong-Thượng Hải (HSBC)	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	14.106.399.839	-
	<b>508.834.263.039</b>	<b>561.894.159.670</b>

Các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tín chấp, từ các Ngân hàng trong nước và các Công ty tài chính, bảo hiểm, theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi suất tiền vay khoảng 9,6% năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và khoảng 6,0% năm đối với khoản vay bằng Đô-la Mỹ. Tổng chi phí lãi vay phải trả cho năm 2007 phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 37.774 triệu VNĐ (năm 2006 là 33.936 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.177.449.055	4.595.202.913
Thuế nhập khẩu	4.722.987.618	939.250.295
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	4.623.830.906	3.112.538.366
Phí, lệ phí	133.732.500	233.508.025
Thuế khác	493.004.898	289.598.091
	<b>18.151.004.977</b>	<b>9.170.097.690</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của nhà đầu tư VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Nguồn vốn khác thuộc vốn CSH VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ KT phúc lợi VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại 1/1/2007</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	<b>23.920.124.295</b>	<b>1.239.489.732</b>	<b>36.108.657.966</b>	<b>254.348.124</b>	<b>211.522.620.117</b>
Tăng vốn trong năm	11.272.000.000	56.453.510.000	466.200.000	-	-	-	-	68.191.710.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.065.416.881	-	55.065.416.881
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.649.085.605	1.225.599.737	(18.108.657.966)	3.233.972.624	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2006	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	-	(15.528.050.000)	-	(15.528.050.000)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.150.796.381)	(3.150.796.381)
Tăng khác	-	-	-	13.711.968	-	-	316.200.000	329.911.968
<b>Tại 31/12/2007</b>	<b>161.272.000.000</b>	<b>56.453.510.000</b>	<b>466.200.000</b>	<b>37.582.921.868</b>	<b>2.465.089.469</b>	<b>39.537.366.881</b>	<b>653.724.367</b>	<b>298.430.812.585</b>

Nguồn vốn khác phản ánh tiền đặt cọc thu được do nhà đầu tư từ chối mua cổ phiếu sau khi đã đặt lệnh mua trong quá trình phát hành tăng vốn của Công ty. Do chưa có hướng dẫn cụ thể trong chế độ kế toán Việt Nam về khoản thu tiền này, Công ty tạm thời ghi nhận khoản thu này là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Ngày 25 tháng 4 năm 2007, Đại hội cổ đông thường niên đã họp và chính thức phê duyệt phương án phân chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2006 bằng tiền với số tiền tạm chi là 18 tỷ VNĐ và trích lập các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thưởng cho Ban điều hành theo Chế độ tài chính hiện hành với số tiền là 18.108.657.966 VNĐ.

Theo Thông báo số 60/TB-PLC-HĐQT ngày 31/5/2007 và Thông báo số 111/TB-PLC-HĐQT ngày 22/11/2007 gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán, Công ty đã tạm phân phối cổ tức lần một từ lợi nhuận năm 2007 với số tiền là 7,5 tỷ VNĐ (tương ứng 5%) và lần hai với số tiền 8,028 tỷ VNĐ (tương ứng 5%).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Trong năm 2007, Công ty thực hiện hai đợt bán đầu giá cổ phần ra công chúng, vốn đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2007 như sau :

	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá (VNĐ/CP)	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xăng dầu Việt nam	12.750.000	10.000	127.500.000.000	79,1%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	1.019.800	10.000	10.198.000.000	6,3%
Các cổ đông khác	2.357.400	10.000	23.574.000.000	14,6%
	<b>16.127.200</b>		<b>161.272.000.000</b>	<b>100 %</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2007 VNĐ	31/12/2006 VNĐ
Phải trả tiền cổ tức tạm phân phối từ lợi nhuận năm 2007	12.980.486.000	-
Các khoản phải trả khác	10.066.538.664	2.705.693.061
	<b>23.047.024.664</b>	<b>2.705.693.061</b>

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được cấu trúc lại theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con và mỗi Công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Công ty Cổ phần hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty Con): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty Con): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng hóa chất.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh của từng Công ty như sau:

<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Dầu mỡ nhờn 31/12/2007 VNĐ</b>	<b>Hóa chất 31/12/2007 VNĐ</b>	<b>Nhựa đường 31/12/2007 VNĐ</b>	<b>Loại trừ số dư nội bộ VNĐ</b>	<b>Cộng 31/12/2007 VNĐ</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền	57.523.881.193	20.510.710.091	41.791.483.106	-	119.826.074.390
Các khoản phải thu ngắn hạn	241.881.138.409	174.410.268.966	131.925.358.621	(23.347.628.010)	524.869.137.986
Hàng tồn kho	241.492.026.894	127.870.996.552	67.325.832.345	(100.000.000.000)	336.688.855.791
TSCĐ và đầu tư dài hạn	129.532.829.691	12.114.563.766	20.744.356.598	-	162.391.750.055
Tài sản không phân bổ	4.802.206.311	17.953.633	100.452.273	-	4.920.612.217
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>675.232.082.498</b>	<b>334.924.493.008</b>	<b>261.887.482.943</b>	<b>(123.347.628.010)</b>	<b>1.148.696.430.439</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Phải trả ngắn hạn	403.290.804.737	280.537.090.313	189.785.350.814	-	873.613.245.864
Phải trả dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	271.941.277.761	54.387.402.695	72.102.132.129	(123.347.628.010)	275.083.184.575
<b>Tổng Nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>675.232.082.498</b>	<b>334.924.493.008</b>	<b>261.887.482.943</b>	<b>(123.347.628.010)</b>	<b>1.148.696.430.439</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

	Dầu mỡ nhờn Năm 2007 VNĐ	Hóa chất Năm 2007 VNĐ	Nhựa đường Năm 2007 VNĐ	Loại trừ Năm 2007 VNĐ	Cộng Năm 2007 VNĐ
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.036.777.208.509	810.665.644.467	728.523.231.115		2.575.966.084.091
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	44.844.358.113	-	-	(44.844.358.113)	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>1.081.621.566.622</b>	<b>810.665.644.467</b>	<b>728.523.231.115</b>	<b>(44.844.358.113)</b>	<b>2.575.966.084.091</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	45.512.273.790	14.849.373.816	31.769.947.982	-	92.131.595.588
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.512.273.790	14.849.373.816	31.769.947.982		92.131.595.588
Doanh thu từ các khoản đầu tư	7.935.707.273	2.368.590.385	2.830.981.874	(1.943.667.862)	11.191.611.670
Lãi khác	5.348.501.464	443.779.638	243.448.056		6.035.729.158
Chi phí tài chính	25.283.368.861	12.523.548.767	9.761.341.818	(1.943.667.862)	45.624.591.584
Lợi nhuận trước thuế	33.513.113.666	5.138.195.072	25.083.036.094	-	63.734.344.832
Chi phí thuế TNDN	4.437.955.587	719.347.310	3.511.625.054		8.668.927.951
Lợi nhuận thuần	<b>29.075.158.079</b>	<b>4.418.847.762</b>	<b>21.571.411.040</b>	<b>-</b>	<b>55.065.416.881</b>

**17. DOANH THU**

	Năm 2007 VNĐ	Năm 2006 VNĐ
<b>Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Dầu mỡ nhờn	1.007.344.772.321	745.506.627.299
Hóa chất, dung môi	831.444.694.038	736.330.537.636
Nhựa đường	728.523.231.115	506.158.440.010
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	7.444.587.248	3.029.060.017
Doanh thu hàng khuyến mại	1.208.799.369	
	<b>2.575.966.084.091</b>	<b>1.991.024.664.962</b>

**18. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2007 VNĐ	Năm 2006 VNĐ
Lãi quá hạn phải thu và lãi tiền gửi ngân hàng	2.651.965.804	4.499.267.264
Cổ tức, lợi nhuận được chia	958.512.042	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	7.581.133.824	-
	<b>11.191.611.670</b>	<b>4.499.267.264</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Thuế nhập khẩu được hoàn	4.828.921.946	1.623.519.010
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	-	159.912.231
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	1.209.851.081	3.457.428.649
Thu nhập khác	951.984.958	-
	<b>6.990.757.985</b>	<b>5.240.859.890</b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>63.734.344.832</b>	<b>41.961.318.564</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.893.645.977	156.600.000
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	80.212.000	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>61.920.910.855</b>	<b>41.804.718.564</b>
Thuế suất	14%	14%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.668.927.951</b>	<b>5.852.660.599</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008 theo quy định về ưu đãi cổ phần hóa. Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ khi chính thức niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK theo quy định tại Công văn số 11924 ngày 24/10/2004. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Hà Nội được giảm trong hai năm 2009, 2010. Đây là năm thứ hai Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

**21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau đây :

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.065.416.881	36.108.657.965
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	54.130.282.946	36.108.657.965
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	15.494.053	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.494</b>	<b>2.407</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	373.419.805.963	320.082.144.368
Công ty liên doanh PTN	20.862.579.491	97.218.837.053
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	4.815.887.726	-
<b>Mua hàng từ các Bên liên quan</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	68.796.587.890	77.166.303.468
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	1.830.139.538	-
<b>Cổ tức đã trả (từ lợi nhuận năm 2006) cho Petrolimex</b>	15.300.000.000	21.300.000.000
<b>Số dư chủ yếu với các bên liên quan:</b>		
	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Phải thu bán hàng</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	33.734.656.594	18.092.894.794
Công ty liên doanh PTN	9.740.554.733	21.357.857.226
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	8.241.744.855	-
<b>Phải trả mua hàng</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	6.425.004.645	12.597.264.737

**23. CAM KẾT**

Ngày 15 tháng 02 năm 2007, Hội đồng quản trị sau khi lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản đã ra Nghị quyết số 005/NQ-PLC-ĐHĐCĐ theo đó Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex cam kết đầu tư khoảng 705 tỷ VNĐ cho giai đoạn 2007 - 2010 cho các hoạt động: đầu tư, xây dựng, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, góp vốn đầu tư vào các dự án của một số doanh nghiệp khác.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu trên Báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm hiện tại.